

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DSST
Ngày: 21- 11- 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Ngọc Phúc
- Bà Quách Thị Anh Thơ

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-DSST ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M2 (G1)

Địa chỉ: Tầng E khối E, tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Phương Hồng T- Chức vụ: Giám đốc

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Công ty Cổ phần M3

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1- Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ- Công ty Cổ phần M3

- Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Như G- Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Phạm Huy K và ông Nguyễn T2 đều là Chuyên viên xử lý nợ của

Công ty Cổ phần M3; địa chỉ: Tầng 3, Chi nhánh VPBank Trần Phú, 83 Trần Phú, Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1982; Đều ở địa chỉ: xóm A, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (Chị M1 ủy quyền cho anh H tham gia tố tụng)

(Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông K có mặt tại phiên toà; ông G và ông T2 đều vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn là anh H vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và người được ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 vay của Ngân hàng TMCP V1 (V)- Chi nhánh T3 theo các hợp đồng tín dụng gồm:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021 (LD2215201595) với số tiền vay là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân (ngày 03/3/2021); mục đích vay vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng.

Ngày 31/5/2022, anh Nguyễn Trung H, chị Nguyễn Thị M1 và Ngân hàng TMCP V1 (V)- Chi nhánh T3 đã ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021), với hạn mức cho vay là 1.890.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày 03/3/2022. Thời hạn cho vay 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày ngân hàng giải ngân số tiền vay. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, được cố định trong một tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày lễ thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày lễ. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 06 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Bên vay phải trả nợ gốc cho ngân hàng vào ngày kết thúc thời hạn vay và phải trả nợ gốc cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ

lãi đầu tiên vào ngày 05/7/2022.

Ngày 01/6/2022, anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 đã ký Khế ước nhận nợ số tiền 1.890.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 01/7/2022, anh H và chị M1 đã trả V 22.508.735 đồng tiền lãi suất. Ngày 05/8/2022 anh H và chị M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2022 theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

+ Theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 26/8/2019 (Mã hợp đồng LD1924000314) với số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 48 tháng, tính từ ngày giải ngân 26/8/2019; mục đích vay tiêu dùng với mức lãi suất trong hạn 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn

Ngày 05/8/2022 anh H và chị M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2022 theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Ngày 30/6/2023 Ngân hàng TMCP V1 (V) và Công ty TNHH M2 (G1) đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Theo đó, V đồng ý bán và Galaxy DT đồng ý mua các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà anh H, chị M1 đã ký kết với V.

Ngày 05/6/2024 Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M2 (Galaxy DT) đối với khoản vay của anh H, chị M1.

Ngày 12/7/2024 Công ty TNHH M2 (G1) và Công ty Cổ phần M3 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER và Phụ lục đính kèm. Theo đó, G1 đồng ý bán và Công ty Cổ phần M3 đồng ý mua các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà anh H, chị M1 đã ký kết với V. Đồng thời Galaxy DT chuyển giao chủ nợ và Công ty Cổ phần M3 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Galaxy DT đối với các khoản nợ của anh H và chị M1.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR658809 do UBND huyện H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 13/02/2015 đứng

tên anh H và chị M1. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 3125 ngày 23/8/2019 giữa V với anh H và chị M1.

Tính đến hết ngày 21/11/2024 anh H, chị M1 còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 là 3.022.208.682 đồng (trong đó nợ gốc là 1.890.000.000 đồng; lãi trong hạn là 40.844.712 đồng; lãi quá hạn là 895.961.361 đồng; lãi chậm trả lãi là 195.402.609 đồng)

Tính đến hết ngày 21/11/2024 anh H, chị M1 còn nợ theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” là 130.010.053 đồng (trong đó nợ gốc là 67.578.719 đồng; lãi trong hạn là 4.654.703 đồng; lãi quá hạn là 48.990.771 đồng; lãi chậm trả lãi là 8.785.859 đồng)

Công ty Cổ phần M3 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M3 toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan, tạm tính đến ngày 21/11/2024 là 3.152.218.735 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2024 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: Công ty Cổ phần M3 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của để thu hồi nợ cho Công ty, gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR658809 do UBND huyện H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 13/02/2015.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH M2 (G) số tiền 43.875.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003782 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn là anh Nguyễn Trung H trong biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải đã trình bày:

Anh xác nhận vợ chồng anh có ký hợp đồng vay vốn số LN2101293359039 ngày 03/3/2021 với Ngân hàng TMCP V1 (V) cùng với Phụ lục hợp đồng với số tiền vay vốn là 1.890.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng với mức lãi suất cho vay đã thể hiện trong hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng anh đã ký với V Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; theo đó vợ chồng anh đã thế chấp thửa đất số 29, tờ bản

đồ số 01, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Thời điểm thế chấp thì trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có tài sản gì trên đất. Sau đó vợ chồng anh có xin tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H văn bản bổ sung có tài sản gắn liền với đất và nộp cho ngân hàng. Tài sản trên thửa đất đã thế chấp gồm 01 ngôi nhà 03 tầng kiên cố (có mái thái) xây dựng hoàn thiện năm 2014, cổng dậu tường bao, cây cối trên đất.

Đồng thời, vợ chồng anh cũng ký với Ngân hàng “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 26/8/2019 (Mã hợp đồng LD1924000314) với số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Nay vợ chồng anh được biết Ngân hàng đã bán khoản nợ của vợ chồng anh cho Công ty mua bán nợ J, vợ chồng anh đề nghị phía Công ty xem xét miễn toàn bộ các khoản lãi cho vợ chồng anh vì vợ chồng anh đã gặp nhiều khó khăn trong việc làm ăn thua lỗ do dịch bệnh và suy thoái kinh tế.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn; bị đơn đã tuân thủ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 275; các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, khoản 1 Điều 325, 357, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH M2- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là Công ty Cổ phần M3; Buộc anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 phải trả cho Công ty Cổ phần M3 toàn bộ số nợ gốc và các khoản lãi quy định trong Hợp đồng tín dụng. Đối với lãi suất nợ quá hạn đề nghị tính từ ngày tiếp sau ngày hết thời hạn vay theo các hợp đồng tín dụng. Trường hợp anh H và chị M1 không thực hiện theo yêu cầu trên thì Công ty Cổ phần M3 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty, gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR658809 do UBND huyện H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 13/02/2015.

Về chi phí tố tụng: Do người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH M2 số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự tranh chấp việc thực hiện hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện H, tỉnh Thái Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Về tố tụng: Ngày 12/7/2024 Công ty TNHH M2 (G1) và Công ty Cổ phần M3 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER. Theo đó, G1 đồng ý bán và Công ty Cổ phần M3 đồng ý mua các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà anh H, chị M1 đã ký kết với V. Đồng thời Galaxy DT chuyển giao chủ nợ và Công ty Cổ phần M3 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Galaxy DT đối với các khoản nợ của anh H và chị M1. Căn cứ Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định Công ty Cổ phần M3 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Công ty TNHH M2

[4] Về nội dung:

[4.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi là: 3.152.218.735 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2024 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021 (LD2215201595); Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021);

“Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 26/8/2019.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn; vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh H và chị M1 trả nợ tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở. Tuy nhiên, xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất quá hạn kể từ ngày 05/8/2022 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021 (LD2215201595) và tính lãi suất quá hạn kể từ ngày 05/8/2022 theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 26/8/2019, thì thấy:

Tại khoản 10 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021 (LD2215201595) thể hiện:

“10. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Các bên thống nhất rằng bên ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ: chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:

...

c) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với bên ngân hàng (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ trả nợ gốc, kỳ trả nợ lãi nào ...”

Như vậy, nội dung điều khoản trên không quy định cụ thể thời điểm bắt đầu tính lãi suất quá hạn. Nguyên đơn cũng không cung cấp được văn bản thoả thuận nào quy định thời điểm bắt đầu tính lãi suất quá hạn theo 02 đồng tín dụng nêu trên. Vì vậy, cần căn cứ theo các hợp đồng tín dụng đã ký, xác định thời điểm bắt đầu tính lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp sau ngày hết thời hạn cho vay theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 ký ngày 03/3/2021 (LD2215201595) và Khế ước nhận nợ thì thời hạn cho vay là 06 (sáu) tháng kể từ ngày 01/6/2022 đến hết ngày 01/12/2022; xác định thời điểm bắt đầu tính lãi suất quá hạn kể từ ngày 02/12/2022

- “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 26/8/2019 thì thời hạn cho vay là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày 28/8/2019;

xác định thời điểm bắt đầu tính lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/8/2023.

Đối với các yêu cầu khác của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi đều phù hợp với nội dung các hợp đồng tín dụng nên cần chấp nhận trên cơ sở tính lãi suất quá hạn theo đúng quy định trong các hợp đồng tín dụng, cụ thể chấp nhận như sau:

- Tính đến hết ngày 21/11/2024 anh H, chị M1 còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101293359039 là 2.964.891.505,532 đồng- làm tròn số là 2.964.891.505 đồng (trong đó nợ gốc là 1.890.000.000 đồng; lãi trong hạn là 96.773.566,37 đồng; lãi quá hạn là 800.813.712,329 đồng; lãi chậm trả lãi là 177.304.226,833 đồng

- Tính đến ngày 21/11/2024 anh H, chị M1 còn nợ theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” là 120.502.700,005 đồng- làm tròn số 120.502.700 đồng (trong đó nợ gốc là 67.578.719 đồng; lãi trong hạn là 19.356.123,39 đồng; lãi quá hạn là 27.724.678,625 đồng; lãi chậm trả lãi là 5.843.178,99 đồng).

Tổng cộng, cần buộc anh H, chị M1 phải trả Công ty Cổ phần M3 toàn bộ số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/11/2024) số tiền là: 3.085.394.205 đồng- làm tròn số là 3.085.394.000 đồng.

[4.2] Xét hợp đồng thế chấp số 3125 ngày 23/8/2019 giữa V với anh H và chị M1, thấy: Hợp đồng thế chấp đã được giao kết theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cần xác định theo Hợp đồng thế chấp, nếu anh H, chị M1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M3 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR658809 do UBND huyện H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 13/02/2015 đứng tên anh H và chị M1.

[5] Về chi phí tố tụng: Do người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại nguyên đơn là Công ty TNHH M2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng khoản 1 Điều 275; các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, khoản 1 Điều 325, các Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH M2- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là Công ty Cổ phần M3.

2. Buộc anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 phải trả Công ty Cổ phần M3 toàn bộ số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là: 3.085.394.000 đồng (Ba tỷ không trăm tám mươi lăm triệu ba trăm chín mươi tư nghìn đồng)

Kể từ ngày 22/11/2024, anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thực trả hết nợ cho Công ty Cổ phần MBN Jupiter.

3. Trường hợp anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 không trả được nợ thì Công ty Cổ phần M3 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR658809 do UBND huyện H, tỉnh Thái Bình cấp ngày 13/02/2015 đứng tên anh H và chị M1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty TNHH M2 số tiền 43.875.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003782 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị M1 phải nộp 93.707.880 đồng- làm tròn số là 93.708.000 đồng (Chín mươi ba triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng